



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tiền thân là Công ty Vận tải biển Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 29-TTg ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 105598 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Trọng tài kinh tế cấp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, trong đó lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần 7 ngày 17 tháng 6 năm 2011 do được cấp lại mã số doanh nghiệp mới là 0200106490 và lần đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 04 tháng 7 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	840.000.000.000	60
Các cổ đông khác	560.000.000.000	40
Cộng	1.400.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
 Điện thoại : (0313) 731 090
 Fax : (0313) 731 007
 E-mail : PID@vosco.vn
 Mã số thuế : 0 2 0 0 1 0 6 4 9 0

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Đại lý Dầu	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh	53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Đà Nẵng	255 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn	212 Đồng Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang	43A Bạch Đằng, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ	62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Huấn luyện Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Vũng Tàu	110 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Bốc xếp hàng hóa cảng sông;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Đại lý sơn tàu biển, dầu nhớt; Đại lý phụ tùng, thiết bị chuyên ngành hàng hải; Đại lý bán vé máy bay; Môi giới mua bán tàu biển;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Điều hành tua du lịch;
- Đào tạo và huấn luyện thuyền viên;
- Sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa đa phương thức, bao gồm: sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Môi giới hàng hải; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Bán lẻ sơn tàu biển, dầu nhớt, phụ tùng, thiết bị hàng hải;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy phục vụ cho ngành hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa;
- Sửa chữa container; Sửa chữa thiết bị container; Sửa chữa trang thiết bị vận tải./.

Các công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130591 ngày 15 tháng 11 năm 2010	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130601 ngày 15 tháng 11 năm 2010	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201137068 ngày 22 tháng 12 năm 2010	51%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	Số 09 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0311081202 ngày 19 tháng 08 năm 2011	100%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 42).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Hữu Chinh	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Việt Tiến	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013
Ông Cao Minh Tuấn	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013
Ông Lâm Phúc Tú	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2012
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Hồng Trường	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013
Ông Hoàng Việt	Ủy viên	24 tháng 4 năm 2013

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Cao Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	14 tháng 6 năm 2013	
Ông Vũ Hữu Chinh	Tổng Giám đốc		14 tháng 6 năm 2013
Ông Lê Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Lâm Phúc Tú	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Bá Trường	Kế toán trưởng	20 tháng 8 năm 2013	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn

Ngày 28 tháng 8 năm 2013

Số: 348/2013/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vạn tài biển Việt Nam và các công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013, từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh VIII.6 về khả năng hoạt động liên tục của Công ty được trình bày trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Kiểm toán viên



Lê Văn Khoa

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		615.698.819.020	403.026.913.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.866.076.337	20.567.008.437
1. Tiền	111		22.866.076.337	20.567.008.437
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		409.259.358.241	174.141.414.376
1. Phải thu khách hàng	131		118.851.011.208	128.527.182.834
2. Trả trước cho người bán	132		286.484.050.582	38.051.523.875
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	10.637.611.197	13.005.643.236
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(6.713.314.746)	(5.442.935.569)
IV. Hàng tồn kho	140		176.112.044.085	176.360.576.185
1. Hàng tồn kho	141	V.4	176.112.044.085	176.360.576.185
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.461.340.357	31.957.914.361
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	5.823.427.424	2.072.872.396
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		515.398.851	26.790.247.971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	18.188.515	2.110.692.789
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.104.325.567	984.101.205



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.868.698.012.404	4.669.580.303.958
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.629.943.474.437	4.376.891.209.798
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.619.979.917.294	4.046.183.402.765
<i>Nguyên giá</i>	222		7.345.331.953.454	6.672.560.378.320
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.725.352.036.160)	(2.626.376.975.555)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	9.852.501.143	9.933.779.701
<i>Nguyên giá</i>	228		10.134.068.680	10.149.068.680
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(281.567.537)	(215.288.979)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	111.056.000	320.774.027.332
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		82.183.397.343	82.183.397.343
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	82.183.397.343	82.183.397.343
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		156.571.140.624	210.505.696.817
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	140.405.185.782	194.424.019.762
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	14.881.954.555	14.881.954.555
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.284.000.287	1.199.722.500
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.484.396.831.424	5.072.607.217.317

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.264.480.440.551	3.655.858.776.341
I. Nợ ngắn hạn	310		1.161.025.673.250	633.814.840.322
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	198.434.433.613	141.118.920.000
2. Phải trả người bán	312		461.043.199.316	398.253.237.350
3. Người mua trả tiền trước	313		39.246.504.994	39.962.134.582
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.398.362.241	440.541.303
5. Phải trả người lao động	315		14.814.931.072	14.057.417.101
6. Chi phí phải trả	316		190.356.978	126.300.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	440.208.486.633	34.128.128.716
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	3.689.398.403	5.728.161.270
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.103.454.767.301	3.022.043.936.019
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.19	-	14.302.974.310
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	100.022.353.450	100.022.353.450
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	3.003.431.382.872	2.907.717.577.280
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.030.979	1.030.979
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.208.440.518.493	1.406.139.463.574
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.208.440.518.493	1.406.139.463.574
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.320.384.546)	(7.320.384.546)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.079.638.716	12.079.638.716
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.720.932.838	16.353.462.915
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(213.039.668.515)	(14.973.253.511)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.23	11.475.872.380	10.608.977.402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.484.396.831.424	5.072.607.217.317

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		398.519,50	531.699,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Nguyễn Bá Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.093.026.345.234	1.237.339.457.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3.717.844.710	2.709.584.722
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.089.308.500.524	1.234.629.873.093
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.128.722.437.430	1.173.245.875.254
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(39.413.936.906)	61.383.997.839
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	605.508.917	1.027.202.643
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	131.038.165.828	99.450.554.557
Trong đó: chi phí lãi vay	23		74.751.031.397	78.266.808.283
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	32.854.203.626	38.725.249.737
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	31.968.171.830	30.308.779.907
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(234.668.969.273)	(106.073.383.719)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	40.213.362.823	5.253.723.825
12. Chi phí khác	32	VI.8	314.179.337	328.113.819
13. Lợi nhuận khác	40		39.899.183.486	4.925.610.006
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(194.769.785.787)	(101.147.773.713)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.088.225.379	1.197.642.903
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(195.858.011.166)</u>	<u>(102.345.416.616)</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.427.569.451	1.251.535.169
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(197.285.580.617)	(103.596.951.785)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(1.428)</u>	<u>(750)</u>

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Bá Trường

Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.176.774.754.270	1.286.789.983.722
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(900.186.315.583)	(1.096.312.829.810)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(90.259.737.853)	(96.925.484.223)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(69.558.184.446)	(78.000.940.283)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(438.392.028)	(1.051.494.687)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53.772.913.927	41.292.454.164
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(79.316.611.805)	(62.438.190.680)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.788.426.482	(6.646.501.797)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(279.680.586.522)	(14.959.687.373)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		38.228.149.091	19.519.539.284
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		365.894.579	180.044.264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(241.086.542.852)	4.739.896.175

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		620.015.892.497	167.382.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(466.986.573.292)	(191.612.642.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(555.474.720)	(847.420.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		152.473.844.485	(25.078.062.040)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.175.728.115	(26.984.667.662)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.567.008.437	59.590.410.078
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		123.339.785	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	22.866.076.337	32.605.742.416

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Nguyễn Bá Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Trường

Tổng Giám đốc



Cao Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Kinh doanh vận tải đường biển; Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển; Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển; Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Xuất khẩu thuyền viên; Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty; Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống; Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container. Đào tạo và huấn luyện thuyền viên./.
- Tổng số các công ty con:** : 4
Trong đó:
Số lượng công ty con được hợp nhất : 4

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	100 %	100 %
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	100 %	100 %
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	51%	51%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hàng hải Vosco	Số 09 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 1.382 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 1.425).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con và giữa các công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là vật liệu, công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho là nhiên liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá nhiên liệu tồn cuối kỳ ở các tàu được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC-TCDN ngày 28 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính cho phép khung khấu hao cho tàu biển đóng mới tối đa là 20 năm. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 08

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 08
Tài sản cố định khác	6

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư đóng mới tàu cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng được vốn hóa vào giá trị của tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà đã được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 30 tháng.

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian phân bổ cho các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của những năm trước được ghi nhận vào chi phí với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm thể hiện khoản tiền bảo hiểm đã trả cho dịch vụ bảo hiểm Công ty đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí cải tạo bãi container

Là khoản tiền đã trả cho dịch vụ nâng cấp bãi container Công ty đang thuê và được phân bổ theo thời gian thuê bãi còn lại.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.814 VND/USD

30/06/2013: 21.134 VND/USD

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

19. Báo cáo theo Bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	615.327.514	624.987.721
Tiền gửi ngân hàng	22.250.748.823	19.942.020.716
Cộng	<u>22.866.076.337</u>	<u>20.567.008.437</u>

2. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn các tàu vay	3.680.539.538	4.338.816.109
Các tàu vay tiền đi công tác nước ngoài	50.298.920	159.246.041
Tiền bồi thường bảo hiểm	2.709.728.784	4.333.846.898
Quỹ ốm đau thai sản		70.626.700
Dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia		236.600.000
Thuế thu nhập cá nhân phải thu cán bộ, nhân viên trong Công ty	134.869.050	176.380.600
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		318.647.335
Tài khoản lưu ký chứng khoán		29.350.068
Phí định giá, chuẩn bị bán tàu MST, OST	114.755.854	
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashin (chi hệ chi phí để quản lý tàu Vinashinlines-Atlantic)	2.576.373.991	2.576.373.991
Dầu nhờn tồn tàu Golden Star	321.281.008	
Các khoản phải thu khác	1.049.764.052	765.755.494
Cộng	<u>10.637.611.197</u>	<u>13.005.643.236</u>

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	6.713.314.746	5.442.935.569
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	493.838.424	2.303.533.105
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	3.643.774.097	1.762.692.520
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.198.992.281	479.087.445

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	1.376.709.944	897.622.499
Cộng	6.713.314.746	5.442.935.569

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.442.935.569	2.475.711.351
Trích lập dự phòng bổ sung	1.329.152.503	
Hoàn nhập dự phòng	(58.773.326)	
Số cuối kỳ	6.713.314.746	2.475.711.351

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	166.375.630.028	170.466.995.687
Công cụ, dụng cụ	300.547.179	355.966.927
Hàng hóa	9.435.866.878	5.537.613.571
Cộng	176.112.044.085	176.360.576.185

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm P&I	5.398.353.625	1.575.677.449
Chi phí bảo hiểm thuyền viên	17.044.240	16.800.000
Chi phí bảo hiểm vỏ container	126.398.000	379.885.000
Chi phí bảo hiểm xe cơ giới		8.199.774
Chi phí bảo hiểm FD&D	206.968.126	47.268.000
Chi phí trả trước dịch vụ	32.224.532	44.142.173
Chi phí bảo hiểm thân tàu	18.363.901	
Chi phí trả trước phí Internet	1.800.000	900.000
Chi phí khác	22.275.000	
Cộng	5.823.427.424	2.072.872.396

6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	7.316.338	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	10.338.744	215.391.281
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	533.433	1.895.301.508
Cộng	18.188.515	2.110.692.789

7. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.150.987.263	93.610.876.970	6.540.568.749.610	10.167.923.922	61.840.555	6.672.560.378.320
Mua sắm mới	303.428.655		766.392.282.008	121.002.728		766.816.713.391
Tăng khác		70.000.000				70.000.000
Thanh lý, nhượng bán		(90.260.497.705)				(90.260.497.705)
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC		(86.571.225)	(103.496.640)	(3.167.004.414)		(3.357.072.279)
Giảm khác			(497.568.273)			(497.568.273)
Số cuối kỳ	28.454.415.918	93.594.305.745	7.216.099.469.000	7.121.922.236	61.840.555	7.345.331.953.454
<i>Trong đó nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là</i>						
		323.420.030	808.218.794.973	1.356.840.478		809.899.055.481
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.660.119.238	34.186.153.303	2.572.615.460.865	8.863.708.329	51.533.820	2.626.376.975.555
Khấu hao trong kỳ	456.349.370	4.734.206.763	187.200.653.673	434.181.569	5.153.382	192.830.544.757
Thanh lý, nhượng bán			(90.260.497.705)			(90.260.497.705)
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC		(79.677.725)	(102.522.086)	(2.915.218.363)		(3.097.418.174)
Giảm khác			(497.568.273)			(497.568.273)
Số cuối kỳ	11.116.468.608	38.840.682.341	2.668.955.526.474	6.382.671.535	56.687.202	2.725.352.036.160
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.490.868.025	59.424.723.667	3.967.953.288.745	1.304.215.593	10.306.735	4.046.183.402.765
Số cuối kỳ	17.337.947.310	54.753.623.404	4.547.143.942.526	739.250.701	5.153.353	4.619.979.917.294

- Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 6.697.852.376.900 VND và 4.327.478.278.382 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.041.668.680	107.400.000	10.149.068.680
Giảm theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013		(15.000.000)	(15.000.000)
Số cuối kỳ	10.041.668.680	92.400.000	10.134.068.680
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		92.400.000	92.400.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	108.201.479	107.087.500	215.288.979
Khấu hao trong kỳ	80.966.058	312.500	81.278.558
Giảm theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013		(15.000.000)	(15.000.000)
Số cuối kỳ	189.167.537	92.400.000	281.567.537
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.933.467.201	312.500	9.933.779.701
Số cuối kỳ	9.852.501.143		9.852.501.143

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	320.662.971.332	25.636.316.959	346.299.288.291	
<i>Mua và đóng hoàn thiện tàu dở dang trọng tải 56.200 DWT, ký hiệu F56-NT03 đặt tên là Vosco Sunrise</i>	320.662.971.332	25.636.316.959	346.299.288.291	
XDCB dở dang (Nhà làm việc Vosco Nha Trang)	111.056.000			111.056.000
Cộng	320.774.027.332	25.636.316.959	346.299.288.291	111.056.000

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		77.048.397.343		77.048.397.343
<i>Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam</i>	8.752.251	73.648.455.343	8.752.251	73.648.455.343
<i>Công ty Cổ phần Hàng hải SSV</i>	67.600	3.399.942.000	67.600	3.399.942.000
Đầu tư vào đơn vị khác		5.135.000.000		5.135.000.000
<i>Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines</i>		5.000.000.000		5.000.000.000
<i>Quỹ hỗ trợ phát triển</i>		135.000.000		135.000.000
Cộng		82.183.397.343		82.183.397.343

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ		48.451.927	4.262.554	44.189.373
Chi phí sửa chữa các tàu lên đà	86.484.327.881	4.284.033.572	38.340.605.241	52.427.756.212
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	106.996.026.676		19.869.243.468	87.126.783.208
Chi phí nâng cấp bãi container	808.080.807		101.010.102	707.070.705
Chi phí sửa chữa sà lan	124.086.666		27.574.812	96.511.854
Chi phí bảo hiểm tài sản	11.497.732		8.623.302	2.874.430
Cộng	194.424.019.762	4.332.485.499	58.351.319.479	140.405.185.782

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện.

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ xuất khẩu thuyền viên.

15. Vay và nợ ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng		35.383.800.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hải Phòng	187.834.360.000	105.735.120.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên hải	6.150.073.613	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	4.450.000.000	
Cộng	198.434.433.613	141.118.920.000
Trong đó: Gốc vay bằng USD	8.540.000,00	6.780.000,00

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	141.118.920.000	41.656.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	330.663.225.937	135.382.000.000
Tăng do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ	2.550.840.000	
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(275.898.552.324)	(41.656.000.000)
Số cuối kỳ	198.434.433.613	135.382.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	319.634.745	2.211.316.682	843.680.217	1.687.271.210
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		408.433.701	408.433.701	
Thuế xuất, nhập khẩu		203.831.538	203.831.538	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(190.808.162)	1.088.225.379	438.392.028	459.025.189
Thuế thu nhập cá nhân	(1.822.705.952)	6.670.566.879	3.646.442.997	1.201.417.930
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.424.087.500	1.424.087.500	
Các loại thuế khác		29.000.000	29.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.727.883	205.567.985	196.836.471	32.459.397
Cộng	(1.670.151.486)	12.241.029.664	7.190.704.452	3.380.173.726

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(18.188.515)	(2.110.692.789)
<i>Thuế GTGT hàng bán nội địa</i>	<i>(7.316.338)</i>	
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>(10.338.744)</i>	<i>(215.391.281)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>(533.433)</i>	<i>(1.895.301.508)</i>
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	3.398.362.241	440.541.303
<i>Thuế GTGT hàng bán nội địa</i>	<i>1.694.587.548</i>	<i>319.634.745</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>469.363.933</i>	<i>24.583.119</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>1.201.951.363</i>	<i>72.595.556</i>
<i>Các khoản phí, lệ phí khác</i>	<i>32.459.397</i>	<i>23.727.883</i>
Cộng	3.380.173.726	(1.670.151.486)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.6).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước : 5% và 10%
- Hàng hóa dịch vụ cung cấp nước ngoài : 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại hợp đồng thuê đất và tờ khai tiền thuê đất hàng năm của Công ty.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.771.106.251	2.314.152.209
Bảo hiểm xã hội	3.174.747.712	18.217.758
Bảo hiểm y tế		9.850.000
Nhiên liệu bàn giao tàu Vosco Sunrise	1.560.797.836	
Tạm tăng nguyên giá Tàu Vosco Sunrise	417.649.914.354	
Bán tàu Golden Star	123.998.923	
Thuế thu nhập cá nhân của người lao động chưa quyết toán	7.615.144.622	7.550.700.297
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.878.232.515	5.014.757.235
Doanh thu vận tải tính cho năm 2013		16.131.238.074
Phải trả, phải nộp khác	3.434.544.420	3.089.213.143
Cộng	<u>440.208.486.633</u>	<u>34.128.128.716</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.728.161.270	17.327.226.855
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	443.049.637	638.494.200
Chi quỹ trong kỳ	(2.481.812.504)	(11.408.631.798)
Số cuối kỳ	<u>3.689.398.403</u>	<u>6.557.089.257</u>

19. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng theo Hợp đồng đóng mới tàu 22.500 DWT số 3/KH05.

20. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm tăng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star)	99.022.287.430	99.022.287.430
Nhiên liệu bàn giao tàu (Lucky Star, Blue Star)	1.000.066.020	1.000.066.020
Cộng	<u>100.022.353.450</u>	<u>100.022.353.450</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	857.342.000.000	607.019.223.490
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	1.612.904.612.000	1.708.829.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	33.064.143.000	65.127.006.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ^(iv)	177.865.000.000	191.845.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(v)	322.255.627.872	334.896.947.790
Cộng	<u>3.003.431.382.872</u>	<u>2.907.717.577.280</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong đó:		
Gốc vay bằng VND	1.035.207.000.000	798.864.223.490
Gốc vay bằng USD	93.130.708,00	101.318.985,00
(i) Khoản vay bằng VND Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng tàu từ năm 2000, 2001, 2002, 2006 và Hợp đồng vay số 02/2011/HDTĐĐT - NHPT ngày 30 tháng 01 năm 2011 để thanh toán cho giá trị khối lượng đã thực hiện và các chi phí bổ sung để hoàn thiện tàu chở hàng rời 56.200 DWT ký hiệu F56-NT03, tổng số tiền vay 555 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa là 180 tháng, lãi suất nợ trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 14,4%/năm, thời hạn trả nợ là 156 tháng, được bảo đảm bằng tài sản hình thành bằng vốn vay trong tương lai.		
(ii) Khoản vay bằng USD gồm 4 hợp đồng tín dụng:		
- Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền vay 41 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.		
- Số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Ocean Star.		
- Số 0098/07/HP ngày 21/09/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.		
- Số 115/10/MSB-HP ngày 24/12/2010, số tiền 28,73 triệu USD để thanh toán một phần tiền mua tàu Vosco Unity, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường USD 12 tháng trả lãi sau cộng 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Diamond Star.		
(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2008/HĐTD-VOSCO ngày 21/11/2008, số tiền vay 15,645 triệu USD để mua tàu SEABEE (nay đổi tên thành tàu VOSCO STAR) trọng tải 46.671 DWT, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.		
(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 2 hợp đồng tín dụng:		
- Số 112.2009.HĐTD ngày 24/08/2009, số tiền vay 175 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5%/năm cho 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam).		
- Số 237.2009.HĐTD ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12%/năm cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam).		
(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 67667 ngày 17 tháng 3 năm 2010, số tiền vay 22,5 triệu USD để mua tàu VOSCO SKY trọng tải 52.523 DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 6%/năm cho kỳ đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tàu Polar Star và tàu Vĩnh An.

Chi tiết số phát sinh trong năm của các khoản vay dài hạn như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.907.717.577.280	3.176.105.577.070
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	257.000.000.000	32.000.000.000
Tăng do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	29.801.826.560	
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(191.088.020.968)	(149.956.642.000)
Số cuối kỳ	3.003.431.382.872	3.058.148.935.070

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
1.400.000.000.000	(7.320.384.546)	12.079.638.716	16.353.462.915	(14.973.253.511)	1.406.139.463.574
			367.469.923	(734.939.846)	(367.469.923)
				(197.285.580.617)	(197.285.580.617)
				(45.894.541)	(45.894.541)
Số dư đầu năm nay					
Trích lập các quỹ trong năm nay					
Lợi nhuận trong năm nay					
Thù lao Hội đồng quản trị					
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá					
Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	(7.320.384.546)	12.079.638.716	16.720.932.838	(213.039.668.515)	1.208.440.518.493

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	840.000.000.000	840.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông	560.000.000.000	560.000.000.000
Cộng	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã mua lại	1.890.000	1.890.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	138.110.000	138.110.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**23. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.608.977.402	9.877.470.890
Lợi nhuận tăng trong kỳ	1.427.569.451	1.251.535.169
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị	(119.674.473)	(192.087.787)
Chi cổ tức	(441.000.000)	(588.000.000)
Số cuối kỳ	11.475.872.380	10.348.918.272

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.093.026.345.234	1.237.339.457.815
- Doanh thu bán hàng hóa	61.582.522.832	53.751.638.154
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.031.443.822.402	1.183.587.819.661
Các khoản giảm trừ doanh thu:	3.717.844.710	2.709.584.722
- Giảm giá hàng bán	3.717.844.710	2.709.584.722
Doanh thu thuần	1.089.308.500.524	1.234.629.873.093
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	61.582.522.832	53.751.638.154
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.027.725.977.692	1.180.878.234.939

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	58.636.518.755	47.925.054.366
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.070.085.918.675	1.125.320.820.888
Cộng	1.128.722.437.430	1.173.245.875.254

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	129.172.366	179.755.659
Lãi bán ngoại tệ	10.928.495	6.479.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	414.234.354	840.967.984
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.173.702	
Cộng	605.508.917	1.027.202.643

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	74.751.031.397	78.266.808.283
Lỗ bán ngoại tệ	39.983.500	1.305.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.324.015.406	21.168.942.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.907.786.535	
Chi phí tài chính khác	15.348.990	13.498.130
Cộng	131.038.165.828	99.450.554.557

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.352.324.850	1.206.290.910
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	371.365.093	463.591.890
Chi phí khấu hao TSCĐ	209.795.764	194.602.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.572.348.260	35.604.257.330
Chi phí khác	1.348.369.659	1.256.506.945
Cộng	32.854.203.626	38.725.249.737

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	20.415.333.147	20.357.838.372
Chi phí vật liệu quản lý	1.017.210.039	953.752.920
Chi phí đồ dùng văn phòng	248.661.915	128.784.464
Chi phí khấu hao TSCĐ	967.992.351	1.167.902.805
Thuế, phí và lệ phí	2.553.414.676	2.686.918.824
Chi phí dự phòng	1.270.379.177	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.943.236.074	2.634.882.684
Chi phí khác	3.551.944.451	2.378.699.838
Cộng	31.968.171.830	30.308.779.907

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	38.228.149.091	181.818.182
Thu tiền thanh lý vật tư	199.644.509	
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.145.540.000	4.061.460.000
Các khoản tiền thưởng của khách hàng		192.163.850
Tiền hỗ trợ bán hàng trên doanh thu đại lý bán sơn		292.024.318
Thu nhập khác	640.029.223	526.257.475
Cộng	40.213.362.823	5.253.723.825

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí và Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	32.306.909	37.934.898
Phí khuyến khích khách hàng		289.578.921
Chi phí khác	281.872.428	600.000
Cộng	314.179.337	328.113.819

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(197.285.580.617)	(103.596.951.785)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(197.285.580.617)	(103.596.951.785)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	138.110.000	138.110.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.428)	(750)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	578.766.435.533	717.542.241.955
Chi phí nhân công	107.150.696.336	108.175.460.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.911.823.315	102.087.073.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.874.644.172	308.956.343.431
Chi phí khác	24.841.213.530	5.518.786.322
Cộng	1.193.544.812.886	1.242.279.904.898

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Là giao dịch với các thành viên chủ chốt:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	2.100.128.000	2.389.914.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay để đóng mới tàu	13.822.354.133	12.200.533.333
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	13.822.354.133	12.200.533.333
Tỷ lệ vốn hóa	15,6%	13,49%

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Dịch vụ vận tải biển
- Lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	992.770.674.877	96.537.825.647	1.089.308.500.524
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	992.770.674.877	96.537.825.647	1.089.308.500.524
Chi phí bộ phận	1.099.988.884.027	93.555.928.859	1.193.544.812.886
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(107.218.209.150)	2.981.896.788	(104.236.312.362)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(107.218.209.150)	2.981.896.788	(104.236.312.362)
Doanh thu hoạt động tài chính	456.894.779	148.614.138	605.508.917
Chi phí tài chính	130.566.543.073	471.622.755	131.038.165.828
Thu nhập khác	39.648.333.600	565.029.223	40.213.362.823
Chi phí khác	32.306.909	281.872.428	314.179.337
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.088.225.379	1.088.225.379
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(197.711.830.753)	1.853.819.587	(195.858.011.166)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	450.139.166.541	398.609.000	450.537.775.541
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	230.030.701.632	1.362.685.139	231.393.386.771

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	19.869.243.468	1.270.379.177	21.139.622.645
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.147.488.527.116	87.141.345.977	1.234.629.873.093
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.147.488.527.116	87.141.345.977	1.234.629.873.093
Chi phí bộ phận	1.156.398.233.684	85.881.671.214	1.242.279.904.898
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(8.909.706.568)	1.259.674.763	(7.650.031.805)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(8.909.706.568)	1.259.674.763	(7.650.031.805)
Doanh thu hoạt động tài chính	916.921.770	110.280.873	1.027.202.643
Chi phí tài chính	99.253.464.206	197.090.351	99.450.554.557
Thu nhập khác	4.714.005.869	539.717.956	5.253.723.825
Chi phí khác	38.534.898	289.578.921	328.113.819
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.197.642.903	1.197.642.903
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(100.055.832.999)	225.361.417	(99.830.471.582)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	49.745.809.809	1.170.538.709	50.916.348.518
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	136.566.897.125	664.054.269	137.230.951.394
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	19.867.621.734		19.867.621.734

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.294.468.859.028	92.862.944.174	5.387.331.803.202
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	97.065.028.222		97.065.028.222
Tổng tài sản			5.484.396.831.424

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Vận tải	Thương mại và dịch vụ	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.198.561.253.814	62.229.788.334	4.260.791.042.148
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	3.689.398.403		3.689.398.403
Tổng nợ phải trả			4.264.480.440.551
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.888.661.115.432	86.881.073.663	4.975.542.189.095
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	97.065.028.222		97.065.028.222
Tổng tài sản			5.072.607.217.317
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.610.626.931.586	39.503.683.485	3.650.130.615.071
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	5.728.161.270		5.728.161.270
Tổng nợ phải trả			3.655.858.776.341

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	270.665.907.728	240.596.172.353
Khu vực nước ngoài	818.642.592.796	994.033.700.740
Cộng	1.089.308.500.524	1.234.629.873.093

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	111.947.364.703	9.922.227.568	1.338.617.161.295	991.508.417.966
Khu vực nước ngoài	338.590.410.838	40.994.120.950	4.048.714.641.907	4.096.460.772.366
Cộng	450.537.775.541	50.916.348.518	5.387.331.803.202	5.087.969.190.332

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều tổ chức nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.866.076.337				22.866.076.337
Phải thu khách hàng	112.137.696.462			6.713.314.746	118.851.011.208
Các khoản phải thu khác	11.921.611.484				11.921.611.484
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343				82.183.397.343
Cộng	229.108.781.626			6.713.314.746	235.822.096.372
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.567.008.437				20.567.008.437
Phải thu khách hàng	123.084.247.265			5.442.935.569	128.527.182.834
Các khoản phải thu khác	14.205.365.736				14.205.365.736
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343				82.183.397.343
Cộng	240.040.018.781			5.442.935.569	245.482.954.350

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	461.043.199.316			461.043.199.316
Vay và nợ	637.131.791.435	1.702.962.935.050	861.771.090.000	3.201.865.816.485
Các khoản phải trả khác	427.647.488.048	100.022.353.450		527.669.841.498
Cộng	1.525.822.478.799	1.802.985.288.500	861.771.090.000	4.190.578.857.299

Số đầu năm

Phải trả người bán	398.253.237.350	14.302.974.310		412.556.211.660
Vay và nợ	614.689.730.056	1.896.847.147.224	537.299.620.000	3.048.836.497.280
Các khoản phải trả khác	8.103.970.378	100.022.353.450		108.126.323.828
Cộng	1.021.046.937.784	2.011.172.474.984	537.299.620.000	3.569.519.032.768

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp dịch vụ vận tải quốc tế và vay vốn Ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh và mua mới tàu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.519,50	531.699,85
Phải thu khách hàng	1.619.740,61	2.204.523,91
Các khoản phải thu khác	154.604,82	317.489,64
Vay và nợ	(101.670.708,00)	(108.098.985,00)
Phải trả người bán	(13.245.311,56)	(11.889.190,64)
Các khoản phải trả khác	(51.383,84)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(112.794.538,47)	(116.934.462,24)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 37.134.636.464 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 giảm/tăng 36.508.108.456 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 23.445.238.165 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 19.253.290.962 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ. Các khoản đầu tư của Công ty đều là dài hạn, nhằm mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.866.076.337		20.567.008.437		22.866.076.337	20.567.008.437
Phải thu khách hàng	118.851.011.208	(6.713.314.746)	128.527.182.834	(5.442.935.569)	112.137.696.462	123.084.247.265
Các khoản phải thu khác	11.921.611.484		14.205.365.736		11.921.611.484	14.205.365.736
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	82.183.397.343		82.183.397.343		82.183.397.343	82.183.397.343
Cộng	235.822.096.372	(6.713.314.746)	245.482.954.350	(5.442.935.569)	229.108.781.626	240.040.018.781

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	3.201.865.816.485	412.556.211.660	3.201.865.816.485
Vay và nợ	461.043.199.316	3.048.836.497.280	461.043.199.316	3.048.836.497.280
Các khoản phải trả khác	527.669.841.498	108.126.323.828	527.669.841.498	108.126.323.828
Cộng	4.190.578.857.299	3.569.519.032.768	4.190.578.857.299	3.569.519.032.768

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Hàng Hải và Ngân hàng TMCP Đại Dương cam kết sẽ tiếp tục bổ sung hạn mức tín dụng cho vay để Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được lập dựa trên cơ sở Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Bá Trường

Cao Minh Tuấn

